

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

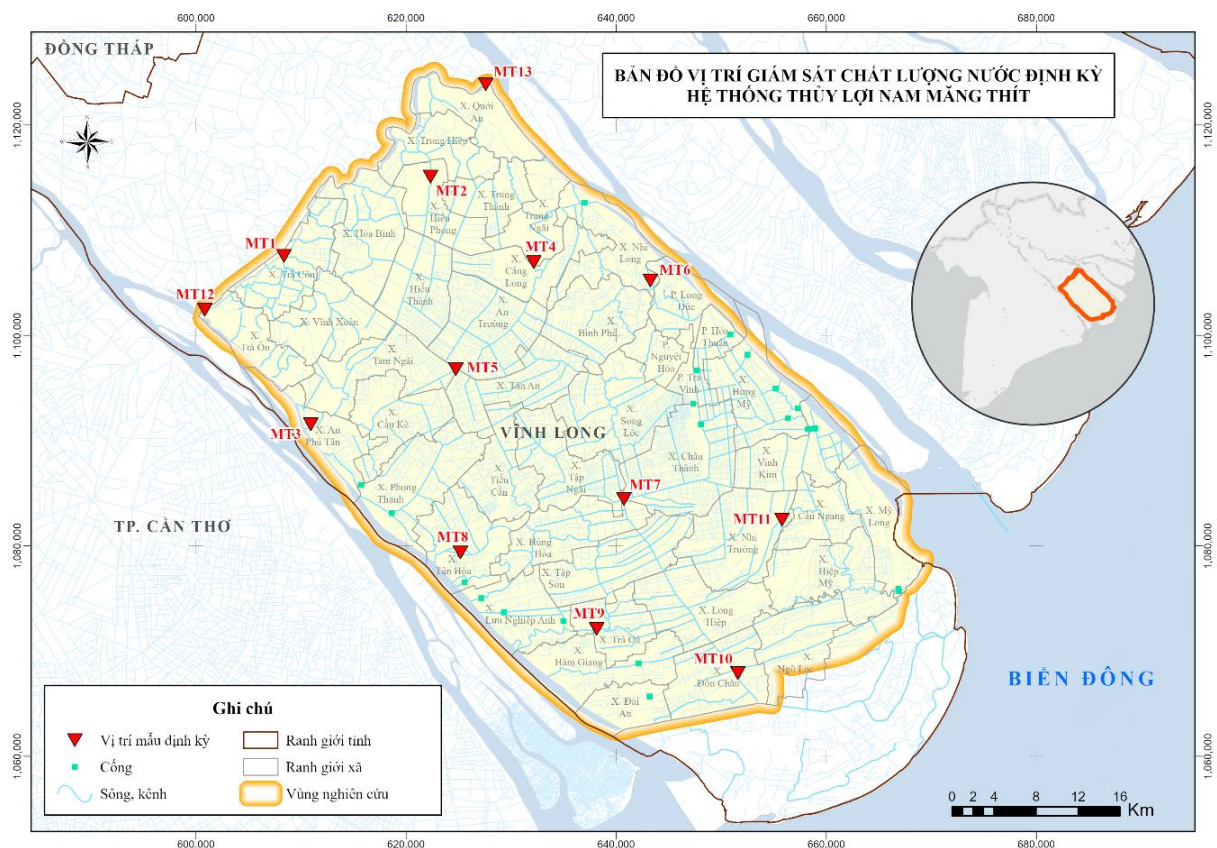
Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi  
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026

## BẢN TIN TUẦN 02

### Dự báo từ 03/4 đến 09/4/2026

### I. Vị trí dự báo

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



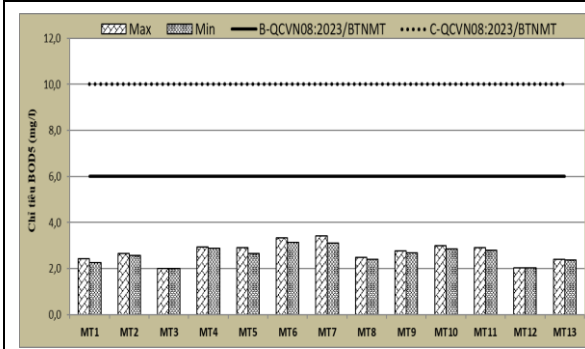
Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã/ Phường	Tỉnh/ Thành phố
			X	Y		
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Cống Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bót	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Vĩnh Long
4	MT4	Kênh Mây Tức – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Trung Ngãi	Vĩnh Long
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Tam Ngãi	Vĩnh Long
6	MT6	Cống Láng Thê	643.446	1.104.839	Nhị Long	Vĩnh Long
7	MT7	Rạch Càn Chông	640.652	1.084.401	Hùng Hòa	Vĩnh Long
8	MT8	Cống Càn Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Vĩnh Long
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Vĩnh Long
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Vĩnh Long
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Nhị Trường	Vĩnh Long
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vĩnh Long



## 2. Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>



Hình 3. Giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị BOD<sub>5</sub> lớn nhất biến đổi từ 2,01 mg/l đến 3,41 mg/l. Các trạm đều có giá trị BOD<sub>5</sub> ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT.

Các khu vực bên trong nội đồng, sau các công kiểm soát mặn và cuối nguồn như trạm MT4 đến MT11 giá trị BOD<sub>5</sub> có xu thế cao hơn so với các trạm đầu nguồn ven sông chính như trạm MT1, MT2, MT3, MT12 và MT13.

Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD<sub>5</sub> đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

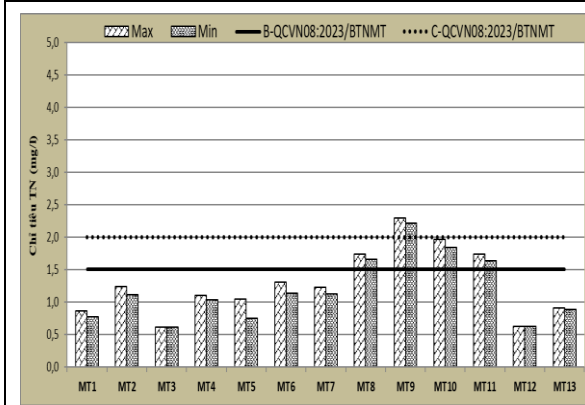
Bảng 3. Kết quả dự báo thông số BOD<sub>5</sub> các trạm từ ngày 03/4-09/4/2026

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04
1	MT1	2,25	2,27	2,28	2,32	2,39	2,43	2,41
2	MT2	2,56	2,56	2,56	2,57	2,59	2,65	2,67
3	MT3	2,01	2,01	2,01	2,01	2,01	2,01	2,01
4	MT4	2,89	2,90	2,91	2,92	2,94	2,94	2,95
5	MT5	2,88	2,89	2,91	2,82	2,74	2,71	2,66
6	MT6	3,15	3,18	3,21	3,24	3,27	3,30	3,33
7	MT7	3,11	3,12	3,15	3,24	3,37	3,41	3,40
8	MT8	2,41	2,41	2,42	2,43	2,45	2,47	2,49
9	MT9	2,69	2,70	2,71	2,72	2,73	2,74	2,76
10	MT10	2,86	2,87	2,89	2,91	2,94	2,96	2,98
11	MT11	2,80	2,81	2,83	2,85	2,87	2,89	2,91
12	MT12	2,04	2,04	2,04	2,04	2,04	2,04	2,04
13	MT13	2,38	2,38	2,37	2,39	2,39	2,40	2,41



#### 4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị TN lớn nhất biến đổi từ 0,61 mg/l đến 2,30 mg/l. Các trạm có giá trị TN cao gồm MT8 đến MT11. Trong đó, cao nhất là trạm MT9 giá trị TN vượt mức C – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT (chất lượng nước xấu, chỉ có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi có biện pháp xử lý phù hợp), trạm MT8, MT10 và MT11 giá trị TN vượt mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT. Các trạm còn lại giá trị TN dự báo ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT.

Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN hầu hết đều đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, chỉ riêng khu vực các trạm MT8 đến MT11 cần lưu ý khi lấy nước phục vụ tưới cho cây trồng vì hàm lượng TN ở mức cao, đặc biệt tại khu vực trạm MT9.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 03/4-09/4/2026

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	03/04	07/06	08/06	09/06	07/04	08/04	09/04
1	MT1	0,77	0,77	0,78	0,80	0,83	0,86	0,86
2	MT2	1,11	1,12	1,12	1,12	1,16	1,20	1,24
3	MT3	0,61	0,61	0,61	0,61	0,61	0,61	0,61
4	MT4	1,03	1,04	1,06	1,07	1,08	1,10	1,10
5	MT5	1,01	1,03	1,04	1,00	0,89	0,84	0,75
6	MT6	1,13	1,17	1,20	1,22	1,25	1,27	1,30
7	MT7	1,13	1,14	1,15	1,17	1,21	1,23	1,22
8	MT8	1,65	1,66	1,67	1,69	1,71	1,72	1,74
9	MT9	2,21	2,22	2,24	2,25	2,27	2,28	2,30
10	MT10	1,84	1,86	1,88	1,90	1,92	1,95	1,97
11	MT11	1,64	1,65	1,67	1,68	1,70	1,72	1,74
12	MT12	0,63	0,62	0,62	0,62	0,63	0,63	0,62
13	MT13	0,90	0,89	0,89	0,89	0,90	0,90	0,90

### III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số DO, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít từ ngày 03/4-09/4/2026, so sánh với giới hạn cho phép tại mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT cho các chỉ số DO, BOD<sub>5</sub>, TN và giới hạn cho phép tại Bảng 1 - TCVN 13952 - 2024 và Bảng 1 - QCVN08:2023/BTNMT cho chỉ số NH<sub>4</sub><sup>+</sup>. Cho thấy, nguồn nước cơ bản đảm bảo để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Ngoại trừ khu vực các trạm MT8, MT9, MT10 và MT11 cần lưu ý khi lấy nước phục vụ tưới cho cây trồng vì hàm lượng TN dự báo ở mức cao vượt mức C và mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT, đặc biệt tại khu vực trạm MT9.

Kết quả giám sát, dự báo xâm nhập mặn của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam cho thấy, mặn đang duy trì ở mức cao vào kỳ triều cường giữa tháng 02 âm lịch và dự báo có xu thế giảm trở lại trong tuần tới, ranh mặn 4 g/l dự báo xâm nhập sâu nhất trong tuần tới cách biển khoảng từ 28 - 32 km, thấp hơn không nhiều so với tuần vừa qua nhưng thấp hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm 2025.

Hiện nay đang bước vào thời kỳ nửa cuối mùa khô, mực nước lưu lượng đầu nguồn đổ về dự báo vẫn ở mức thấp, mực nước trong vùng Nam Măng Thít ở mức thấp do cống đóng dài ngày. Mặt khác, dự báo xâm nhập mặn có xu thế giảm trong tuần tới, nhưng vẫn duy trì đỉnh mặn ở mức cao, sẽ gây khó khăn cho việc lấy nước ngọt phục vụ sản xuất trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít. Vì vậy, kiến nghị các địa phương thuộc vùng Nam Măng Thít cần chủ động giám sát mặn chặt chẽ, tranh thủ tối đa thời gian độ mặn nhỏ hơn 1 g/l trong tuần tới để vận hành các cống lấy nước phía thượng lưu ở cả hai nhánh sông Cổ Chiên (từ cống Cái Hóp trở lên) và sông Hậu (từ cống Bông Bót trở lên), nhằm bổ sung nguồn nước ngọt cho nội vùng cũng như tăng lưu thông dòng chảy, giảm nồng độ nhiễm trên kênh rạch, đảm bảo chất lượng nước cho sản xuất nông nghiệp. Đồng thời hạn chế tiêu thoát nước, thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc tỉnh Vĩnh Long;
- Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh; Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

VIỆN TRƯỞNG 



*Dặng Thanh Lâm*